



HAI MINH
CORPORATION
CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17 Pearl Plaza- 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP.HCM, TP HCM

Điện thoại (028)35128668 Fax : (028)35128688

☎ * ☎

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2023

(MÃ CK : HMH)



TP.HCM, ngày 28 tháng 01 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Địa chỉ: Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		73,912,823,056	80,923,937,735
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	41,655,499,604	26,802,558,476
1. Tiền	111		9,855,499,604	12,102,558,476
2. Các khoản tương đương tiền	112		31,800,000,000	14,700,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		12,597,107,331	13,059,032,145
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	1,297,107,331	3,688,869,149
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a		(129,837,004)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	11,300,000,000	9,500,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		18,450,994,506	37,024,534,491
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	10,943,528,588	9,023,132,129
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	6,429,467,999	27,662,743,576
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	4,572,473,937	794,090,323
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(3,494,476,018)	(455,431,537)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			-
IV. Hàng tồn kho	140		7,060,880	137,933,887
1. Hàng tồn kho	141	V.7	7,060,880	137,933,887
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1,202,160,735	3,899,878,736
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	829,673,219	1,498,201,673
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		174,824	1,415,032,106
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	372,312,692	986,644,957
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			-

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Địa chỉ: Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2023

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		148,905,398,908	141,635,012,802
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		8,000,000	5,000,000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	8,000,000	5,000,000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		94,548,173,046	109,609,985,780
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	74,500,191,441	88,985,683,403
- Nguyên giá	222		176,018,187,830	192,312,713,827
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(101,517,996,389)	(103,327,030,424)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	20,047,981,605	20,624,302,377
- Nguyên giá	228		24,058,532,693	24,058,532,693
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4,010,551,088)	(3,434,230,316)
III. Bất động sản đầu tư	230		23,603,635,918	-
- Nguyên giá	231		23,603,635,918	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		661,487,074	202,363,636
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	661,487,074	202,363,636
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		27,271,444,955	26,971,137,631
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2c	27,271,444,955	26,971,137,631
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2,812,657,915	4,846,525,755
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	2,812,657,915	4,809,891,322
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.12	-	36,634,433
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		222,818,221,964	222,558,950,537

Báo cáo này là bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Địa chỉ: Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2023

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		20,986,789,864	24,502,897,016
I. Nợ ngắn hạn	310		20,025,197,385	24,167,769,016
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	7,341,133,270	6,919,327,806
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312			1,444,000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	841,822,769	588,831,466
4. Phải trả người lao động	314	V.15	2,962,831,762	3,279,266,761
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	6,536,021,059	268,520,921
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a, c	2,129,160,833	968,905,354
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18		11,000,000,000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	214,227,692	1,141,472,708
13. Quỹ bình ổn giá	323			-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			-
II. Nợ dài hạn	330		961,592,479	335,128,000
1. Phải trả người bán dài hạn	331			-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b, c	383,213,040	335,128,000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338			-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		578,379,439	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			-

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Địa chỉ: Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		201,831,432,100	198,056,053,521
I. Vốn chủ sở hữu	410		201,831,432,100	198,056,053,521
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20	131,998,470,000	131,998,470,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		131,998,470,000	131,998,470,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.20	5,893,984,271	5,893,984,271
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.20	(4,394,588,700)	(4,394,588,700)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.20	6,746,673,776	6,746,673,815
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.20	60,208,058,744	56,488,961,097
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối				
lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		56,219,661,507	54,527,020,469
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		3,988,397,237	1,961,940,628
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422			-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.20	1,378,834,009	1,322,553,038
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431			-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432			-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		222,818,221,964	222,558,950,537

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 01 năm 2024

Đào Thế Hưng
Kế toán trưởng/Người lập



Đặng Ngọc Hùng
Tổng Giám đốc

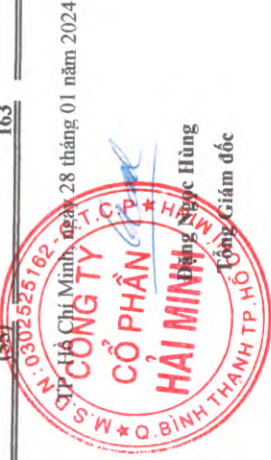
CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Địa chỉ: Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Quý 4 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4 năm 2023		Quý 4 năm 2022		Đơn vị tính: VND	
			Quý 4 năm 2023	Quý 4 năm 2022	Lũy kế năm 2023	Lũy kế năm 2022		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V1.1	20,151,942,147	21,666,324,904	80,380,729,810	83,794,836,147		
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					900,000		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	V1.2	20,151,942,147	21,666,324,904	80,380,729,810	83,793,936,147		
4. Giá vốn hàng bán	11		18,103,268,389	20,466,787,753	68,299,177,899	73,338,491,645		
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2,048,673,758	1,199,537,151	12,081,551,911	10,455,444,502		
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V1.3	621,603,153	4,688,040,738	2,044,648,789	4,592,105,309		
7. Chi phí tài chính	22	V1.4	534,559,998	752,803,333	1,039,306,015	3,815,134,769		
Trong đó: chi phí lãi vay	23				556,000,001	16,897,223		
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.2c	-	-	(8,995,915)	(28,862,369)		
9. Chi phí bán hàng	25							
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	V1.5	2,629,974,162	3,343,111,487	11,501,134,190	9,329,103,337		
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(494,257,249)	1,791,663,069	1,576,764,580	1,874,449,336		
12. Thu nhập khác	31	V1.6	76,061,818	2,315,555,559	5,990,057,592	601,279,242		
13. Chi phí khác	32		308,655,430	1,856,400,472	1,819,397,857	339,838,420		
14. Lợi nhuận khác	40		(232,593,612)	459,155,087	4,170,659,735	261,440,822		
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(726,850,861)	2,250,818,156	5,747,424,315	2,135,890,158		
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14		151,034,905	1,072,044,010	124,844,046		
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.12			615,013,872	90,106,752		
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(726,850,861)	2,099,783,251	4,060,366,433	1,920,939,360		
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(703,518,429)	2,032,378,709	3,988,397,237	1,961,940,628		
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(23,332,432)	67,404,542	71,969,196	(41,001,268)		
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V1.7.a,b	(55)	163	310	130		
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	V1.7.a,b	(56)	163	310	130		



(Handwritten signature in blue ink)

Đào Thế Hưng
Kế toán trưởng/Người lập

Báo cáo này là bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Địa chỉ: Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 4 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		5,747,424,315	2,135,890,158
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, 10	9,411,923,430	9,210,013,464
- Các khoản dự phòng	03	V.2a, 6	2,909,207,477	585,268,541
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		214,438,889	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	V.2c; VI.3, 6	(6,104,854,769)	(3,042,126,964)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	556,000,001	16,897,223
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		12,734,139,343	8,905,942,422
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(3,042,950,867)	(16,752,422,809)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		130,873,007	975,039,809
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		6,771,816,904	(6,888,086,835)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2,665,761,861	(875,190,750)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	V.2a	2,391,761,818	13,014,071,879
- Tiền lãi vay đã trả	14		(572,897,224)	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(184,138,525)	(1,509,044,748)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.19	(1,221,536,109)	(3,084,672,216)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		19,672,830,208	(6,214,363,248)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.11	(683,452,074)	(8,000,000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.9, VI.6	10,109,792,991	2,337,777,779
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(21,800,000,000)	(9,500,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		17,000,000,000	23,006,702,304
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2c	(300,000,000)	(27,000,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5a, VI.3	1,878,275,633	4,312,901,956
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		6,204,616,550	(6,850,617,961)

Báo cáo này là bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

6

16
T
A
N
H

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Địa chỉ: Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Quý 4 năm 2023

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18		11,000,000,000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18	(11,000,000,000)	(271,279,833)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.17a, 20	(24,505,630)	(51,449,365,259)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(11,024,505,630)	(40,720,645,092)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		14,852,941,128	(53,785,626,301)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	26,802,558,476	80,588,184,777
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	41,655,499,604	26,802,558,476

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 01 năm 2024



Đào Thế Hưng
Kế toán trưởng/Người lập

Đặng Ngọc Hùng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Địa chỉ: Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
BAO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2023

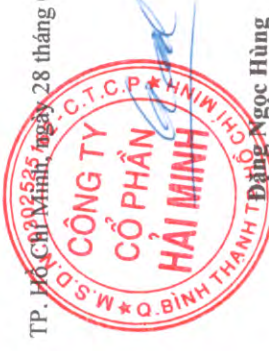
Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	131,998,470,000	5,893,984,271	(4,394,588,700)	6,746,673,815	96,079,142,928	1,415,437,230	237,739,119,544
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	1,961,940,628	(41,001,268)	1,920,939,360
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	-	-	(2,944,454,848)	-	(2,944,454,848)
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	-	(38,542,941,000)	(51,882,924)	(38,594,823,924)
Tặng, giảm khác	-	-	-	(39)	(64,726,611)	-	(64,726,611)
Số dư cuối năm trước	131,998,470,000	5,893,984,271	(4,394,588,700)	6,746,673,815	56,488,961,097	1,322,553,038	198,056,053,521
Số dư đầu năm nay	131,998,470,000	5,893,984,271	(4,394,588,700)	6,746,673,815	56,488,961,097	1,322,553,038	198,056,053,521
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	3,988,397,237	71,969,196	4,060,366,433
Trích lập các quỹ trong kỳ này	-	-	-	-	(294,291,093)	-	(294,291,093)
Biến động do công ty liên kết	-	-	-	-	9,303,239	-	9,303,239
Giảm khác	-	-	-	(39)	15,688,264	(15,688,225)	-
Số dư cuối kỳ này	131,998,470,000	5,893,984,271	(4,394,588,700)	6,746,673,776	60,208,058,744	1,378,834,009	201,831,432,100

Đơn vị tính: VND

Đào Thế Hưng
Kế toán trưởng/Người lập

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 01 năm 2024



Đặng Ngọc Hùng
Tổng Giám đốc

Báo cáo này là bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hải Minh hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0302525162 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24/01/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 12/5/2022 về việc thay đổi Tổng Giám đốc và bổ sung người đại diện pháp luật của Công ty.

Tên Công ty bằng tiếng Anh: HAI MINH CORPORATION. Tên Công ty viết tắt: HAMI CORP.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302525162 thay đổi lần thứ 15 ngày 12/5/2022 là 131.998.470.000 VND (*Bằng chữ: Một trăm ba mươi một tỉ, chín trăm chín mươi tám triệu, bốn trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn*).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX). Mã cổ phiếu: HMMH.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty và các Công ty con tại ngày 31/12/2023 là 143 người (tại ngày 31/12/2022 là 140 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Sản xuất máy thông dụng khác;
- Sản xuất thân xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Dịch vụ cho thuê kho bãi;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê thiết bị chuyên dùng trong bốc xếp, vận chuyển (không kèm người điều khiển); cho thuê tàu và thiết bị hàng hải;
- Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn, hàng trang trí nội thất (không sản xuất tại trụ sở)/.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: kinh doanh dịch vụ cho thuê kho bãi, các dịch vụ về vận tải.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,
Phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2023 (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2023, Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết như sau:

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Các Công ty con trực tiếp						
1	Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	Tầng 3, tòa nhà Hải Minh, Km105, đường bao Nguyễn Bình Khiêm, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Tp. Hải Phòng	Dịch vụ kho bãi, vận chuyển hàng hóa	96,79%	96,79%	96,79%
2	Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh	Tầng 3, tòa nhà Hải Minh, Km105, đường bao Nguyễn Bình Khiêm, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Tp. Hải Phòng	Dịch vụ kho bãi, vận chuyển hàng hóa	100,00%	100,00%	100,00%
3	Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Hải Minh	Tầng 3, tòa nhà Hải Minh, Km105, đường bao Nguyễn Bình Khiêm, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Tp. Hải Phòng	Dịch vụ kho bãi, vận chuyển hàng hóa	100,00%	100,00%	100,00%
Các Công ty liên kết						
1	Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Hải Minh	Lô KB3-02, khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 1), phường Đông Hải 2, quận Hải An, Tp. Hải Phòng	Dịch vụ kho bãi, lưu giữ hàng hóa	26,00%	26,00%	26,00%

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2023 (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**2.1 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập từ Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con khác là giống nhau. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu trong phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại Công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Ước tính kế toán**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2023 (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc áp dụng tỷ giá hối đoái trong kế toán***Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm***

Các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm được quy đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh. Cụ thể:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ: Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì Công ty ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:
 - Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
 - Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các giao dịch nêu trên được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

- Khoản mục tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ: Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản giao dịch tại ngày 31/12/2023.
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (phải thu khách hàng...) Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào ngoại tệ của ngân hàng Công ty thường xuyên giao dịch tại ngày 31/12/2023.
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của ngân hàng Công ty thường xuyên giao dịch tại ngày 31/12/2023.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được kết chuyển vào tài khoản số 413 - Chênh lệch tỷ giá, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc Chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trong đó, lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

11/4/2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2023 (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính*****Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư Công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được điều chỉnh tương ứng với phần sở hữu của Công ty trong lãi hoặc lỗ của Công ty liên kết sau ngày đầu tư. Việc điều chỉnh giá trị ghi sổ cũng phải được thực hiện khi lợi ích của Công ty thay đổi do có sự thay đổi vốn chủ sở hữu của Công ty liên kết nhưng không được phản ánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trong trường hợp phần sở hữu của Công ty trong khoản lỗ của Công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư, Công ty không phải tiếp tục phản ánh các khoản lỗ phát sinh sau đó trên Báo cáo tài chính hợp nhất trừ khi Công ty có nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho Công ty liên kết các khoản nợ mà Công ty đã đảm bảo hoặc cam kết trả. Trong trường hợp này, giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không (0). Nếu sau đó Công ty liên kết hoạt động có lãi, Công ty chỉ được ghi nhận phần sở hữu của mình trong khoản lãi đó sau khi đã bù đắp được phần lỗ thuần chưa được hạch toán trước đây.

Báo cáo tài chính của Công ty liên kết được sử dụng để áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu được lập cùng ngày với Báo cáo tài chính hợp nhất. Các điều chỉnh thích hợp cũng được áp dụng trong trường hợp chính sách kế toán của Công ty liên kết với với chính sách kế toán của Công ty cho các giao dịch và sự kiện giống nhau phát sinh trong các trường hợp tương tự.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2023 (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc, thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải, vật truyền dẫn	06 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản cố định khác	05 - 10

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất, được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất là văn phòng của Công ty tại Tòa nhà Pearl Plaza tại địa chỉ 561A Điện Biên Phủ, phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh. Thời hạn sử dụng đất đến năm 2058.

TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong vòng 40 đến 43 năm.

Công ty không thực hiện trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không có thời hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2023 (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư của Công ty là các căn hộ của Khối căn hộ thuộc cụm công trình cao ốc văn phòng kết hợp thương mại, dịch vụ, căn hộ tại số 152 Điện Biên Phủ, phường 24, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh được Công ty sử dụng để cho thuê hoạt động. Bất động sản đầu tư được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua Bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

Công ty không trích khấu hao đối với các bất động sản đầu tư là các căn hộ trong dự án bất động sản mà Công ty được sở hữu lâu dài.

Nguyên tắc kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoàn lại trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế thu nhập hiện hành.

Thuê hoạt động

Các khoản thuê hoạt động của Công ty bao gồm thuê mặt bằng (nhà xưởng, kho bãi) để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

Cho thuê tài sản**Cho thuê hoạt động**

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo cách phân loại tài sản của Công ty.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2023 (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Cho thuê tài sản (Tiếp theo)

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong năm khi phát sinh hoặc được phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Chi phí sửa chữa tài sản

Các khoản chi phí sửa chữa tài sản lớn được phân bổ dần vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian tối đa 36 tháng.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty hoặc các bên liên quan;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2023 (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả (Tiếp theo)**

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí dịch vụ khác: trích trước dựa trên Hợp đồng, báo giá hoặc các chứng từ khác có liên quan khi Công ty thực tế đã nhận được dịch vụ cung cấp nhưng chưa nhận được hóa đơn.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay từ các bên liên quan.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ. Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu cung cấp dịch vụ liên quan đến vận tải và kho bãi; doanh thu cho thuê hoạt động.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

15/11
3
T
M
T

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2023 (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)**

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ và cho thuê hoạt động là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

16
T
A
N
P.1

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2023 (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ (Công ty Cổ phần Hải Minh) sau khi điều chỉnh phần trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về các dịch vụ mà Công ty cung cấp. Do vậy, Báo cáo bộ phận chính yếu được lập theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu được lập theo khu vực địa lý

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	383.719.853	1.057.757.614
Tiền gửi ngân hàng	9.471.779.751	10.543.089.850
Tiền đang chuyển	-	501.711.012
Các khoản tương đương tiền (i)	31.800.000.000	14.700.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	31.800.000.000	14.700.000.000
Tổng	41.655.499.604	26.802.558.476

(i) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng tại các ngân hàng thương mại cổ phần, lãi suất áp dụng từ 4,5%/năm đến 4,7%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,
Phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2023 (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	11.300.000.000	11.300.000.000	9.500.000.000	9.500.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	11.300.000.000	11.300.000.000	6.500.000.000	6.500.000.000
- Trái phiếu (ii)	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000
Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	11.300.000.000	11.300.000.000	9.500.000.000	9.500.000.000

(i) Tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng Thương mại cổ phần với kỳ hạn từ 12 tháng, lãi suất áp dụng từ 5,1%/năm đến 5,5%/năm.

(ii) Công ty đã phân loại khoản đầu tư vào trái phiếu của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Khách sạn Tân Hoàng Minh “Công ty Tân Hoàng Minh” thành khoản phải thu khác do lô trái phiếu này đã bị hủy bỏ theo Quyết định số 181/QĐ-UBCK ngày 03/4/2022 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước. Theo Quyết định số 181/QĐ-UBCK, Công ty Tân Hoàng Minh có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền cho các nhà đầu tư, trong đó bao gồm Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Hải Minh, một Công ty con của Công ty. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá khả năng thu hồi của giá trị khoản trái phiếu đã đầu tư vào Công ty Tân Hoàng Minh và trích lập dự phòng toàn bộ trên số dư phải thu của khoản đầu tư trái phiếu này.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,
Phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2023 (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.3 Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)		Dự phòng	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý			
Tổng giá trị cổ phiếu	2.397.945	-	2.402.233	2.402.233	-	2.402.233	-
<i>Trong đó chủ yếu:</i>							
Các cổ phiếu khác	2.397.945	(i)	2.402.233	2.402.233	-	2.402.233	-
Tổng giá trị trái phiếu	1.294.709.386	-	2.686.466.916	2.686.466.916	-	2.686.466.916	-
<i>Trong đó chủ yếu:</i>							
Công ty Cổ phần Dịch vụ - Thương mại TP. Hồ Chí Minh	40.369.040	(i)	1.401.645.820	1.401.645.820	-	1.401.645.820	-
Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần	1.330.052.998	(i)	1.330.052.998	1.330.052.998	-	1.330.052.998	-
Các trái phiếu khác	-	(i)	-	-	-	-	-
Các khoản khác	-	(i)	30.480.903	30.480.903	-	30.480.903	-
Chi phí mua trái phiếu phân bổ	(75.712.652)	(i)	(75.712.805)	(75.712.805)	-	(75.712.805)	-
Các khoản đầu tư khác	-	-	1.000.000.000	870.162.996	-	870.162.996	(129.837.004)
Chứng chỉ quỹ tại TBCS	-	(i)	1.000.000.000	870.162.996	-	870.162.996	(129.837.004)
Tổng	1.297.107.331		3.688.869.149	3.559.032.145		3.559.032.145	(129.837.004)

(i) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của chứng khoán không được niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày 31/12/2023 do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.



CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,
Phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2023 (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.4 Đầu tư vào Công ty liên kết

	Tỷ lệ		31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá trị đánh giá theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá trị đánh giá theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Đầu tư vào Công ty liên kết			27.300.000.000		27.271.444.955	
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Hải Minh	26,00%	26,00%	27.300.000.000	(i)	27.271.444.955	26.971.137.631
Tổng			27.300.000.000		27.271.444.955	26.971.137.631

(i) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các Công ty không niêm yết tại ngày 31/12/2023 do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,
Phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2023 (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.5 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công ty TNHH Giấy Lee&Man Việt Nam	-	1.136.662.750
Công ty Cổ phần Ô tô TOYOTA Việt Nam	2.092.423.848	2.171.778.832
Công ty TNHH Toàn Cầu Khải Minh	1.617.117.596	1.498.564.680
Công ty Cổ phần Kioway		
Phải thu các đối tượng khác	7.233.987.144	4.216.125.867
Tổng	10.943.528.588	9.023.132.129

*Trong đó:***Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Trình bày lại)**

428.296.676	890.328.624
-------------	-------------

*(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.4)***5.6 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	(Trình bày lại) VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh	-	20.009.363.617
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhịp cầu Địa ốc (i)	6.231.844.558	7.548.055.959
Các đối tượng khác	197.623.441	105.324.000
Tổng	6.429.467.999	27.662.743.576

(i) Khoản trả trước liên quan đến chi phí môi giới mua các căn hộ của Khối căn hộ thuộc cụm công trình cao ốc văn phòng kết hợp thương mại, dịch vụ, căn hộ tại số 152 Điện Biên Phủ, phường 24, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,
Phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2023 (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.7 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND) (Trình bày lại)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	4.761.973.937	(3.022.710.762)	794.090.323	(22.710.762)
Tạm ứng cho nhân viên	524.430.022	-	319.529.840	-
Lãi dự thu của các khoản tiền gửi có kỳ hạn, tiền cho vay	101.442.466	-	28.109.589	-
Các khoản bảo hiểm xã hội bắt buộc nộp thừa	2.151.000	-	-	-
Công ty Bảo Minh Hải Phòng - Phải thu bồi thường	-	-	217.549.221	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Khách sạn Tân Hoàng Minh (i)	3.000.000.000	(3.000.000.000)	-	-
Phải thu khác (ii)	1.133.950.449	(22.710.762)	228.901.673	(22.710.762)
Dài hạn	8.000.000	-	5.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	8.000.000	-	5.000.000	-
Tổng	4.769.973.937	(3.022.710.762)	799.090.323	(22.710.762)

Trong đó:

Phải thu ngắn hạn khác là các bên liên quan

(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.4)

(i) Công ty đã phân loại khoản đầu tư vào trái phiếu của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Khách sạn Tân Hoàng Minh “Công ty Tân Hoàng Minh” thành khoản phải thu khác do lô trái phiếu này đã bị hủy bỏ theo Quyết định số 181/QĐ-UBCK ngày 03/4/2022 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước. Theo Quyết định số 181/QĐ-UBCK, Công ty Tân Hoàng Minh có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền cho các nhà đầu tư, trong đó bao gồm Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Hải Minh, một Công ty con của Công ty. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá khả năng thu hồi của giá trị khoản trái phiếu đã đầu tư vào Công ty Tân Hoàng Minh và trích lập dự phòng toàn bộ trên số dư phải thu của khoản đầu tư trái phiếu này.

(ii) Phải thu khác chủ yếu bao gồm các khoản phải thu từ việc chi hộ cho các khách hàng của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,
Phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2023 (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.8 Nợ xấu

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Đầu tư Thương mại An Phát - phải thu cung cấp dịch vụ	137.731.560	-	137.731.560	-
Công ty TNHH Thương mại Vận tải Hưng Lộc Thịnh - phải thu cung cấp dịch vụ	100.000.000	-	100.000.000	-
Các tổ chức khác - phải thu cung cấp dịch vụ	194.989.215	-	194.989.215	-
Các tổ chức khác - phải thu khoản chi hộ	22.710.762	-	22.710.762	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lam Logistic	86.691.902	47.647.421	-	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Khách sạn Tân Hoàng Minh	3.000.000.000	-	-	-
Tổng	3.542.123.439	47.647.421	455.431.537	-

12/30/2023

5.9 Hàng tồn kho

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	7.060.880	-	137.933.887	-
Tổng	7.060.880	-	137.933.887	-

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,
Phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2023 (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.10 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng	Đơn vị tính: VND
Số dư tại ngày 01/01/2023	111.824.737.789	1.434.826.595	71.011.977.839	5.627.171.604	2.414.000.000	192.312.713.827	
Tăng trong năm	-	-	29.965.000	-	-	29.965.000	
Mua trong năm	-	-	29.965.000	-	-	29.965.000	
Giảm trong năm	-	-	(16.097.972.815)	(226.518.182)	-	(16.324.490.997)	
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(16.097.972.815)	(226.518.182)	-	(16.324.490.997)	
Số dư tại ngày 31/12/2023	111.824.737.789	1.434.826.595	54.943.970.024	5.400.653.422	2.414.000.000	176.018.187.830	
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ							
Số dư tại ngày 01/01/2023	42.179.846.702	686.280.188	55.536.796.708	4.488.470.719	435.636.107	103.327.030.424	
Tăng trong năm	3.755.961.174	879.515.952	3.793.506.761	366.185.495	40.433.276	8.835.602.658	
Khấu hao trong năm	3.755.961.174	879.515.952	3.793.506.761	366.185.495	40.433.276	8.835.602.658	
Giảm trong năm	-	-	(10.418.118.511)	(226.518.182)	-	(10.644.636.693)	
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(10.418.118.511)	(226.518.182)	-	(10.644.636.693)	
Số dư tại ngày 31/12/2023	45.935.807.876	1.565.796.140	48.912.184.958	4.628.138.032	476.069.383	101.517.996.389	
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Tại ngày 01/01/2023	69.644.891.087	748.546.407	15.475.181.131	1.138.700.885	1.978.363.893	88.985.683.403	
Tại ngày 31/12/2023	65.888.929.913	(130.969.545)	6.031.785.066	772.515.390	1.937.930.617	74.500.191.441	

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 50.155.486.280 VND (tại ngày 01/01/2023: 41.041.292.543 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINHTầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,
Phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh**Mẫu số B 09 - DN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2023 (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.11 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Tổng
NGUYỄN GIÁ		
Số dư tại ngày 01/01/2023	24.058.532.693	24.058.532.693
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2023	24.058.532.693	24.058.532.693
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại ngày 01/01/2023	3.434.230.316	3.434.230.316
Tăng trong năm	576.320.772	576.320.772
Khấu hao trong năm	576.320.772	576.320.772
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2023	4.010.551.088	4.010.551.088
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2023	20.624.302.377	20.624.302.377
Tại ngày 31/12/2023	20.047.981.605	20.047.981.605

12.
G
T
M
TP

Quyền sử dụng đất là văn phòng của Công ty tại Tòa nhà Pearl Plaza tại địa chỉ 561A Điện Biên Phủ, phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh. Thời hạn sử dụng đất đến năm 2058.

5.12 Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Số đầu kỳ	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối kỳ
a. Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	-	27.557.419.576	-	27.557.419.576
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	27.557.419.576	-	27.557.419.576
Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Giá trị còn lại	-	27.557.419.576	-	27.557.419.576
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	27.557.419.576	-	27.557.419.576

Bất động sản đầu tư của Công ty là các căn hộ của Khối căn hộ thuộc cụm công trình cao ốc văn phòng kết hợp thương mại, dịch vụ, căn hộ tại số 152 Điện Biên Phủ, phường 24, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh được Công ty sử dụng để cho thuê hoạt động.

Doanh thu và giá vốn liên quan đến Bất động sản đầu tư cho thuê trong năm được trình bày tại Thuyết minh số 6.1 và 6.2 với số tiền lần lượt là 381.363.644 VND và 95.444.275 VND.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư tại ngày 31/12/2023 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty không có đủ thông tin để xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nêu trên tại ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINHTầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,
Phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh**Mẫu số B 09 - DN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2023 (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.13 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công trình bệ trụ cầu cố định Phú Quốc	-	194.363.636
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	661.487.074	8.000.000
Tổng	661.487.074	202.363.636

5.14 Chi phí trả trước

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	829.673.219	1.498.201.673
Chi phí công cụ, dụng cụ	186.688.329	58.153.028
Chi phí bảo hiểm, kiểm định	175.448.280	111.530.468
Chi phí sửa chữa tài sản	180.533.437	490.093.471
Chi phí chờ phân bổ đối với hoạt động cho thuê căn hộ	8.400.000	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	278.603.173	838.424.706
Dài hạn	2.812.657.915	4.809.891.322
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.935.351.578	527.164.677
Chi phí sửa chữa tài sản	561.718.933	3.812.516.004
Chi phí chờ phân bổ đối với hoạt động cho thuê căn hộ	117.276.728	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	198.310.676	470.210.641
Tổng	3.642.331.134	6.308.092.995

5.15 Tài sản thuế thu nhập doanh hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	36.634.433
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	36.634.433
Số bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	578.379.439	-
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	578.379.439	-
Số bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,
Phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2023 (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.16 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân cảng Sài Gòn	901.671.825	901.671.825	3.166.373.246	3.166.373.246
Samudera Shipping Line Ltd.	1.195.430.198	1.195.430.198	293.378.097	293.378.097
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	851.558.400	851.558.400	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	4.392.472.847	4.392.472.847	3.459.576.463	3.459.576.463
Tổng	7.341.133.270	7.341.133.270	6.919.327.806	6.919.327.806

Trong đó:

Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan

(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.4)

	1.576.775.883	1.576.775.883	171.716.200	171.716.200
--	---------------	---------------	-------------	-------------

5.17 Thuế và các khoản phải nộp/phải thu Nhà nước

	Đơn vị tính: VND			
	01/01/2023	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	31/12/2023
Phải nộp	588.831.466	7.017.932.838	6.764.941.535	841.822.769
Thuế giá trị gia tăng	380.890.128	3.533.835.163	3.282.823.691	631.901.600
Thuế thu nhập doanh nghiệp		274.315.377	184.138.525	90.176.852
Thuế thu nhập cá nhân	65.030.088	497.138.040	503.706.964	58.461.164
Thuế tài nguyên		-	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất		1.460.500.400	1.460.500.400	-
Các khoản thuế nhà thầu nước ngoài	69.691.559	1.283.002.973	1.291.411.379	61.283.153
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	73.219.691	(30.859.115)	42.360.576	-
Phải thu	986.644.957	614.332.265	-	372.312.692
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	848.510.267	591.307.678	-	257.202.589
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	134.991.908	23.024.587	-	111.967.321
Thuế nhà đất, tiền thuê đất nộp thừa	3.142.782	-	-	3.142.782
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác nộp thừa		-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,
Phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2023 (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.18 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Trích trước chi phí lãi vay	-	16.897.223
Trích trước chi phí mua căn hộ	6.231.844.558	-
Các khoản khác	304.176.501	251.623.698
Tổng	6.536.021.059	268.520.921
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên liên quan</i> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.4)</i>	-	16.897.223

5.19 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Ngắn hạn	2.129.160.833	968.905.354
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
Kinh phí công đoàn	287.781.760	162.738.160
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.850.000	3.867.700
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	388.004.148	105.504.148
Cổ tức phải trả	-	24.505.630
Phải trả, phải nộp khác	1.451.524.925	672.289.716
Dài hạn	383.213.040	335.128.000
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn (i)	383.213.040	335.128.000
Tổng	2.512.373.873	1.304.033.354

(i) Nhận ký quỹ ký cược dài hạn để đảm bảo cho việc cho thuê văn phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,
Phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2023 (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.20 Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2023 (VND)		Biến động trong kỳ (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn						
Công ty Cổ phần Cảnh Đồng Xanh (i)	-	-	-	11.000.000.000	11.000.000.000	11.000.000.000
Công ty Cổ phần Đại lý Cảnh Đồng Xanh (ii)	-	-	-	5.500.000.000	5.500.000.000	5.500.000.000
Tổng	-	-	-	11.000.000.000	11.000.000.000	11.000.000.000

Trong đó:

Vay các bên liên quan

(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.4)

- (i) Hợp đồng vay số 2612/GFC-HMH ngày 26/12/2022 với Công ty Cổ phần Cảnh Đồng Xanh. Số tiền gốc: 5.500.000.000 VND. Thời hạn vay: tối đa 1 năm từ ngày 29/12/2022. Lãi suất vay: 8%/năm, trên cơ sở 1 năm có 360 ngày. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (ii) Hợp đồng vay số 2612/GFAHMH ngày 26/12/2022 với Công ty Cổ phần Đại lý Cảnh Đồng Xanh. Số tiền gốc: 4.500.000.000 VND. Thời hạn vay: tối đa 1 năm từ ngày 27/12/2022. Lãi suất vay: 8%/năm, trên cơ sở 1 năm có 360 ngày. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,
Phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2023 (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.21 Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2022	131.998.470.000	5.893.984.271	(4.394.588.700)	6.746.673.815	96.079.142.928	1.415.437.230	237.739.119.544
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	1.961.940.628	(41.001.268)	1.920.939.360
Trích lập các quỹ năm trước	-	-	-	-	(2.944.454.848)	-	(2.944.454.848)
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	(38.542.941.000)	(51.882.924)	(38.594.823.924)
Giảm khác	-	-	-	-	(64.726.611)	-	(64.726.611)
Số dư tại ngày 31/12/2022	131.998.470.000	5.893.984.271	(4.394.588.700)	6.746.673.815	56.488.961.097	1.322.553.038	198.056.053.521
Số dư tại ngày 01/01/2023	131.998.470.000	5.893.984.271	(4.394.588.700)	6.746.673.815	56.488.961.097	1.322.553.038	198.056.053.521
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	3.988.397.237	71.969.196	4.060.366.433
Trích lập các quỹ kỳ này (i)	-	-	-	-	(294.291.093)	-	(294.291.093)
Thay đổi trong vốn chủ sở hữu do Công ty liên kết tăng vốn	-	-	-	-	9.303.239	-	9.303.239
Biến động khác	-	-	-	(39)	15.688.264	(15.688.225)	-
Số dư tại ngày 31/12/2023	131.998.470.000	5.893.984.271	(4.394.588.700)	6.746.673.776	60.208.058.744	1.378.834.009	201.831.432.100

(i) Công ty Cổ phần Hải Minh, trích lập các quỹ theo kết quả phân phối lợi nhuận năm 2022 được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/4/2023, trong đó:

- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi: 10% lợi nhuận sau thuế năm 2022, tương ứng với 196.194.062 VND;
- Trích lập quỹ khen thưởng hoạt động của hội đồng quản trị: 5% lợi nhuận sau thuế năm 2022, tương ứng với 98.097.031 VND.



CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,
 Phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2023 (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**5.22 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2023			Tại ngày 01/01/2023		
	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND)	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND)
Công ty Cổ phần Cánh Đông Xanh	1.428.800	10,82%	14.288.000.000	1.428.800	10,82%	14.288.000.000
Ông Trần Quang Tiến	1.388.505	10,52%	13.885.050.000	1.388.505	10,52%	13.885.050.000
Ông Vũ Đức Tuấn	1.000.000	7,58%	10.000.000.000	1.000.000	7,58%	10.000.000.000
Các cổ đông khác	9.382.542	71,08%	93.825.420.000	9.382.542	71,08%	93.825.420.000
Tổng	13.199.847	100,00%	131.998.470.000	13.199.847	100,00%	131.998.470.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và chia lợi nhuận

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu kỳ	131.998.470.000	131.998.470.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp tại cuối năm	131.998.470.000	131.998.470.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	38.542.941.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2023 Cổ phiếu	01/01/2023 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.200.000	13.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.199.847	13.199.847
Cổ phiếu phổ thông	13.199.847	13.199.847
Số lượng cổ phiếu được mua lại	352.200	352.200
Cổ phiếu phổ thông	352.200	352.200
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.847.647	12.847.647
Cổ phiếu phổ thông	12.847.647	12.847.647
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Quỹ đầu tư phát triển	6.746.673.776	6.746.673.815

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2023 (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.22 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất**a. Tài sản thuê ngoài**

Tại ngày 31/12/2023, các Công ty con của Công ty thuê hoạt động các lô đất để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh theo các Hợp đồng thuê đất ký với đại diện cơ quan nhà nước tại thành phố Hải Phòng. Thông tin chi tiết như sau:

Lô đất do Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh thuê

Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh thuê hoạt động lô đất tại phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng với tổng diện tích là 17.178,36 m². Thời hạn thuê đất đến hết ngày 14/01/2059.

Lô đất do Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát thuê

Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát thuê hoạt động lô đất tại phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng với tổng diện tích là 20.330,03 m². Thời hạn thuê đất là 30 năm, đến hết ngày 15/11/2030. Kể từ năm 2021, tiền thuê hàng năm là 1.072.460.000 VND.

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang nêu trên mà Công ty dự kiến phải thanh toán theo các thời hạn:

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Năm thứ nhất	2.000.686.231	1.072.460.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	8.002.744.924	4.289.840.000
Từ năm thứ năm trở đi	31.533.508.167	3.172.694.167
Tổng	41.536.939.322	8.534.994.167

b. Ngoại tệ các loại

	31/12/2023		01/01/2023	
		Tương đương		Tương đương
	Nguyên tệ	VND	Nguyên tệ	VND
Đồng Đô La Mỹ (USD)	1.284,23	31.698.153	96,70	2.267.615

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2023 (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải	17.551.750.513	27.309.913.342
Doanh thu đại lý dầu (hàng hóa)	-	989.584.490
Doanh thu dịch vụ đại lý container	10.926.741.648	11.214.405.315
Doanh thu cho thuê văn phòng và cho thuê hoạt động khác (i)	1.951.697.999	4.378.669.567
Doanh thu cho thuê bãi	49.950.539.650	39.902.263.433
Doanh thu khác	-	-
Tổng	80.380.729.810	83.794.836.147
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu với các bên liên quan</i> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.4)</i>	<i>4.069.079.079</i>	<i>-</i>

(i) Trong đó, doanh thu liên quan đến Bất động sản đầu tư cho thuê trong năm là 381.363.644 VND.

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá vốn dịch vụ vận tải	24.189.537.158	29.559.376.400
Giá vốn đại lý dầu (hàng hóa)	-	1.079.015.202
Giá vốn dịch vụ đại lý container	5.414.858.015	5.426.937.647
Giá vốn cho thuê văn phòng và cho thuê hoạt động khác (i)	3.098.809.556	2.748.564.143
Giá vốn cho thuê bãi	35.595.973.170	34.524.598.253
Giá vốn dịch vụ khác	-	-
Tổng	68.299.177.899	73.338.491.645

(i) Trong đó, giá vốn liên quan đến Bất động sản đầu tư cho thuê trong năm là 95.444.275 VND

11/11/2023 10:00:00

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2023 (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.877.998.640	2.652.477.109
Lãi kinh doanh chứng khoán	-	798.719.821
Cổ tức được chia từ kinh doanh chứng khoán	276.993	92.116.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	161.658.485	131.952.607
Doanh thu hoạt động tài chính khác	4.714.671	916.839.772
Tổng	2.044.648.789	4.592.105.309
<i>Trong đó:</i>		
Lãi tiền cho vay từ các bên liên quan <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.4)</i>	56.575.342	-

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí lãi vay	556.000.001	16.897.223
Lỗ kinh doanh chứng khoán	(129.837.004)	3.189.528.975
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	398.592.849	380.497.394
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối năm	214.438.889	105.686
Lỗ phân bổ mua trái phiếu	-	224.144.798
Chi phí tài chính khác	111.280	3.960.693
Tổng	1.039.306.015	3.815.134.769
<i>Trong đó:</i>		
Chi phí lãi vay từ các bên liên quan <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.4)</i>	556.000.001	-

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	11.501.134.190	9.329.103.337
Chi phí nhân viên quản lý	5.935.407.713	5.527.050.325
Chi phí vật liệu quản lý	135.533.918	476.351.510
Chi phí đồ dùng văn phòng	211.811.649	132.469.203
Chi phí khấu hao TSCĐ	156.967.848	296.900.138
Phân bổ lợi thế thương mại	-	
Thuế phí và lệ phí	113.120.067	108.013.397
Chi phí dự phòng	39.044.481	455.431.537
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.212.926.613	1.146.271.144
Chi phí bằng tiền khác	-	
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	3.696.321.901	1.186.616.083
Tổng	11.501.134.190	9.329.103.337

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,
 Phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2023 (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

6.6 Lợi nhuận khác

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	4.429.938.687	326.396.224
Nhượng bán quyền mua căn hộ	1.558.903.794	-
Các khoản khác	1.215.111	274.883.018
Tổng	5.990.057.592	601.279.242
Chi phí khác		
Kết chuyển giá trị dự án không tiếp tục đầu tư	194.363.636	-
Chi phí phát sinh từ thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng mua căn hộ	1.351.341.641	-
Chi phí phạt vi phạm hành chính, các khoản thuế bị truy thu	5.978.576	-
Chi phí khác	267.714.004	339.838.420
Tổng	1.819.397.857	339.838.420
Lợi nhuận khác	4.170.659.735	261.440.822

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.072.044.010	124.844.046
Tổng	1.072.044.010	124.844.046

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	578.379.439	90.106.752
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	36.634.433	-
Tổng	615.013.872	90.106.752

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINHTầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,
Phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh**Mẫu số B 09 - DN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2023 (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2023 VND	Năm 2022 (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ (VND)	3.988.397.237	1.961.940.628
Các khoản điều chỉnh	-	(294.291.000)
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(196.194.000)
- Trích quỹ thưởng Hội đồng quản trị, Ban điều hành, và Ban Kiểm soát	-	(98.097.000)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ (VND)	3.988.397.237	1.667.649.628
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	12.847.647	12.847.647
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	310	130

Tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban Kiểm soát. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban Kiểm soát cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông Công ty mẹ và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

Công ty xác định lại số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban Kiểm soát cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 theo tỷ lệ phân phối lợi nhuận năm 2022 của Công ty đã được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/4/2023. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được trình bày lại như sau:

	Số đã báo cáo VND	Số trình bày lại VND	Chênh lệch VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ (VND)	1.961.940.628	1.961.940.628	-
Điều chỉnh giảm do trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ thưởng Hội đồng Quản trị, Ban điều hành, và Ban Kiểm soát	(294.291.094)	(294.291.000)	(94)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ (VND)	1.667.649.534	1.667.649.628	(94)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	12.847.647	12.847.647	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	130	130	(0)

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10.848.515.026	6.663.248.881
Chi phí nhân công	25.862.445.910	24.113.365.026
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.874.280.278	9.210.013.464
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.672.321.636	38.852.320.256
Chi phí khác bằng tiền	7.366.729.160	2.477.394.754
Tổng	79.624.292.010	81.316.342.381

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2023 (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7. THÔNG TIN KHÁC**7.1 Thông tin về vụ kiện**

Ngày 01/2/2023, Công ty nộp đơn khởi kiện Ông Trần Minh Thắng tại Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre liên quan đến một số khoản công nợ công nợ phải thu khó đòi của Công ty Cổ phần Hải Minh do Ông Trần Minh Thắng quản lý. Ngày 03/2/2023, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đã thụ lý vụ án dân sự số 42/TB-TLVA về việc “tranh chấp Hợp đồng dân sự”. Tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất, vụ kiện đang được thụ lý bởi Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm. Đồng thời, Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ các khoản nợ phải thu khách hàng và phải thu khác do Ông Trần Minh Thắng quản lý với giá trị tại ngày 31/12/2023 là 455.431.537 VND.

7.2 Cam kết cho thuê hoạt động

Tổng giá trị các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang mà Công ty dự kiến được nhận theo các thời hạn:

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Năm thứ nhất	2.658.715.680	1.663.617.164
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	1.757.846.400	2.904.963.200
Từ năm thứ năm trở đi	-	-
Tổng	4.416.562.080	4.568.580.364

7.3 Thông tin về thay đổi trụ sở Công ty

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/4/2023 của Công ty Cổ phần Hải Minh, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã thông qua kế hoạch thay đổi trụ sở chính của Công ty như sau:

- Thay đổi trụ sở chính của Công ty Cổ phần Hải Minh từ Tp. Hồ Chí Minh ra Tp. Hải Phòng;
- Thành lập Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh hoặc đơn vị tương đương để đảm bảo hoạt động của Công ty tại địa bàn Tp. Hồ Chí Minh.

Tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất, các công việc về thay đổi trụ sở nêu trên đang được tiến hành.

7.4 Thông tin về các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan chủ yếu mà Công ty có giao dịch trong năm:

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,
Phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2023 (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Hải Minh	Công ty liên kết
2	Công ty Cổ phần Cánh đồng Xanh	Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể và là công ty có cùng Chủ tịch HĐQT
3	Công ty Cổ phần Đại lý Cánh Đồng Xanh	Có chủ tịch HĐQT là thành viên mật thiết với chủ tịch HĐQT của Công ty
4	Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Cánh Đồng Xanh	Có chủ tịch HĐQT là thành viên HĐQT của Công ty mẹ
5	Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này	Ảnh hưởng đáng kể

11/12/2023
H/3/23

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2023 (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7.4 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác

Thù lao và các khoản thu nhập khác của từng thành viên Hội đồng Quản trị (i)

Họ và tên	Chức danh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Ông Trần Quang Tiến	Chủ tịch HĐQT (từ ngày 25/4/2022)	54.000.000	32.400.000
Ông Phùng Văn Quang	Chủ tịch HĐQT (đến ngày 25/4/2022)	-	248.000.000
Ông Trần Đức Trung	Thành viên HĐQT (từ ngày 25/4/2022)	174.000.000	58.400.000
Ông Trần Đoàn Viện	Thành viên HĐQT (từ ngày 25/4/2022)	254.000.000	-
Ông Phùng Tuấn Anh	Thành viên HĐQT (từ ngày 25/4/2022)	174.000.000	-
Ông Vũ Đức Tuấn	Thành viên HĐQT (từ ngày 25/4/2022)	54.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Văn Hà	Thành viên HĐQT (đến ngày 25/4/2022)	-	-
Ông Nguyễn Thế Quân	Thành viên HĐQT (đến ngày 25/4/2022)	-	-
Ông Phạm Tiến Tịnh	Thành viên HĐQT (đến ngày 25/4/2022)	-	-

Thù lao của từng thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức danh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Trưởng ban (đến ngày 24/10/2022)	-	43.200.000
Ông Khuru Hoàng Nam	Thành viên (từ ngày 25/4/2022)	36.000.000	-
Bà Phạm Thị Thanh Hương	Thành viên (từ ngày 25/4/2022)	36.000.000	-
Ông Triệu Đình Trung	Thành viên (đến ngày 25/4/2022)	24.000.000	32.400.000

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác

Họ và tên	Chức danh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Ông Đặng Ngọc Hùng	Tổng Giám đốc (từ ngày 01/5/2022)	508.306.000	474.283.334
Ông Nguyễn Thế Hưng	Tổng Giám đốc (đến ngày 01/5/2022)	-	143.333.332
Ông Trần Đoàn Viện	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 01/5/2022)	541.000.000	456.400.000
Ông Trần Đức Trung	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 01/5/2022)	81.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,
Phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2023 (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7.5 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng giám đốc khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 01 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Đào Thế Hưng



Đào Thế Hưng



Đặng Ngọc Hùng